

Số: /QĐ-UBND

Châu Thành A, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa,
huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn
mới nâng cao của Chính phủ) đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của
Quốc hội;*

*Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội
sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về
quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng
4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định
số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung
về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ
Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy
hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Xây dựng, quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng
liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây
dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và
Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 1082/SXD-QH&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao do Sở Xây dựng phụ trách;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Châu Thành A về việc chủ trương đầu tư thực hiện lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ) đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 4155/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Châu Thành A về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ) đến năm 2035.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Thành A tại Tờ trình số 102/TTr-KT&HT ngày 19 tháng 4 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ) đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch

Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ) đến năm 2035.

2. Phạm vi, quy mô và thời hạn quy hoạch

- Phạm vi: Khu vực lập quy hoạch chung gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, có tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau:

- + Phía Đông Bắc: Giáp thị trấn Một Ngàn.
- + Phía Tây Nam: Giáp thị trấn Bảy Ngàn.
- + Phía Tây Bắc: Giáp xã Trường Long A và xã Trường Long Tây.
- + Phía Đông Nam: Giáp huyện Phụng Hiệp.
- Quy mô diện tích: 2.031,99ha.
- Quy mô dân số đến năm 2035: Khoảng 11.800 người.
- Thời hạn quy hoạch chung: Đến năm 2035.

3. Mục tiêu, tính chất quy hoạch

3.1. Mục tiêu

- Góp phần định hướng xây dựng xã Tân Hòa từ xã Nông thôn mới thành xã Nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa (theo mô hình xây dựng nông thôn mới nâng cao của Chính phủ) nhằm mục đích phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn hiện tại và để định hướng phát triển đến năm 2035.

- Cập nhật các kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất huyện Châu Thành A đã được phê duyệt.

- Là quy hoạch nhằm định hướng phát triển hiện đại hóa ngành nông nghiệp, nông thôn, gia tăng giá trị sản xuất, nâng cao điều kiện sống của người dân.

- Cập nhật các công trình trong Trung tâm xã Tân Hòa.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý đất đai, cấp phép xây dựng và đầu tư xây dựng.

3.2. Tính chất

- Là xã thuần nông, địa bàn phát triển cây ăn quả, trồng lúa kết hợp với chăn nuôi trên địa bàn huyện Châu Thành A.

- Là vùng định hướng phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ và là vùng phát triển sản xuất nông nghiệp, khu dân cư nông thôn gắn liền phát triển du lịch sinh thái.

4. Quy mô dân số và đất đai

4.1. Quy mô dân số, lao động

- Dự báo quy mô dân số:

+ Quy mô dân số đến năm 2030: Khoảng 10.700 người;

+ Quy mô dân số đến năm 2035: Khoảng 11.800 người;

- Quy mô lao động tăng tương ứng với dân số (70% lao động/tổng số dân):

+ Lao động năm 2030: 6.800 người.

+ Lao động năm 2045: 7.200 người.

4.2. Quy mô đất đai

- Phạm vi nghiên cứu đối với Quy hoạch chung là toàn bộ địa giới hành chính xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Diện tích tự nhiên là: 2.031,99ha.

- Diện tích đất xây dựng trung tâm xã: Khoảng 20,0 ha.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

- Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- Đất cây xanh công cộng: $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.

6. Định hướng phát triển không gian toàn xã

6.1. Định hướng trung tâm xã

- Diện tích khu trung tâm xã khoảng 20,0 ha, dự kiến tổ chức các không gian trung tâm như sau:

- Trụ sở làm việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đảng ủy, công an, xã đội, các đoàn thể;
- Các công trình công cộng cấp xã: Nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa, sân thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông;
- Khu đất xây dựng nhà ở;
- Giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

6.2. Khu vực dân cư nông thôn

Định hướng tổ chức không gian nông thôn bao gồm các không gian chính như sau:

a) Đất ở hiện hữu chỉnh trang:

- Đất ở các khu dân cư nông thôn hiện tại vẫn quản lý xây dựng theo quy hoạch đã được duyệt, đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cải tạo nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, các dự án phúc lợi công cộng.
- Đất nhóm ở hiện trạng dọc sông rạch vẫn được duy trì nhằm đảm bảo ổn định đời sống cư dân, chỉ di dời những hộ dân ở những khu vực đất dành cho phát triển hạ tầng giao thông. Tuy nhiên vẫn đề ra những quy định xây dựng chặt chẽ để bảo vệ sông kênh rạch.

b) Đất ở mới:

- Thực hiện theo các dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500;
- Các nhóm nhà ở nông thôn cần kiểm soát, bảo đảm sự tuân thủ trong việc phân bố dân cư tương ứng với từng mô hình nhà ở (riêng lẻ, nhà ở nông thôn,...), đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Mật độ xây dựng đảm bảo tối đa trong lô đất phù hợp với QCVN 01:2021/BXD; tăng mật độ cây xanh; cải thiện điều kiện giao thông đảm bảo thuận tiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân;

c) Đất công trình phục vụ sản xuất, dịch vụ hỗ trợ sản xuất:

- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội;
- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn;
- Khu vực sản xuất nông nghiệp của xã;
- Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất.

7. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	500,93	24,65
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp trồng lúa và cây hàng năm	416,56	20,50
1.2	Đất sản xuất nông nghiệp trồng cây lâu năm	84,37	
2	ĐẤT XÂY DỰNG	1398,03	68,80
2.1	Đất ở	875,58	43,09
2.1.1	Đất ở đô thị (<i>Đất ở tại trung tâm xã</i>)	7,94	0,39
2.1.2	Đất ở nông thôn:		
	+ <i>Ở nông thôn kết hợp sản xuất nông nghiệp + sản xuất kinh doanh + TMDV</i>	221,17	10,88
	+ <i>Ở nông thôn kết hợp sản xuất nông nghiệp</i>	646,47	31,81
2.2	Đất công cộng	8,67	0,43
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,51	0,03
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,04	0,00
2.5	Đất công nghiệp	78,97	
2.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	345,00	16,98
2.6.1	<i>Đất giao thông</i>	344,40	16,95
2.6.2	<i>Đất trạm cấp nước</i>	0,07	
2.6.3	<i>Đất trạm xử lý nước thải</i>	0,15	0,01
2.6.4	<i>Đất trạm trung chuyển rác</i>	0,16	0,01
2.6.5	<i>Đất bãi xe (nhiều tầng)</i>	0,23	0,01
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	85,09	4,19
2.7.1	<i>Đất của hàng dịch vụ</i>	7,47	
2.7.2	<i>Đất trung tâm dịch vụ hậu cần ngành nông nghiệp</i>	77,62	
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	4,17	0,21
3	ĐẤT KHÁC	133,03	6,55
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	133,03	6,55

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH		2.031,99	100,00

8. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Ưu tiên tối đa cho việc bố trí các công trình công cộng, công trình thương mại - dịch vụ và mạng lưới hạ tầng kỹ thuật phục vụ dân sinh. Tăng cường các giải pháp cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường; tận dụng để bao vùng sản xuất làm hệ thống giao thông.

- Dân cư bố trí dọc theo đường giao thông chính, các kênh chính. Nhà ở hướng ra lộ, kênh rạch.

- Trung tâm khu vực ấp bao gồm một số công trình công cộng như nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp, trường học. Vị trí bố trí các công trình công cộng theo các tuyến giao thông chính (đường thủy và đường bộ) đi về các ấp, thuận tiện cho việc tiếp cận sử dụng của người dân. Quy mô các công trình công cộng phải đảm bảo theo yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

- Khai thác các chi tiết kiến trúc truyền thống vào xây dựng mới công trình nhà ở và công trình công cộng trong các xóm, ấp. Khai thác các vật liệu địa phương trong việc xây dựng.

- Những khu vực sản xuất nên ưu tiên bố trí bám theo các tuyến giao thông đường thủy chính nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển và phục vụ tưới tiêu.

9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

9.1. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất

a) Các điểm dân cư nông thôn cốt xây dựng cụ thể như sau:

- Cao xây dựng đề xuất $h_{xd} \geq +2,0m$ (hệ cao độ Hòn Dấu).

- Cao độ xây dựng khu trung tâm xã tôn nền đạt cao độ $h_{xdt} \geq 2,2m$ (hệ cao độ Hòn Dấu).

- Quy hoạch san đắp nền cho phần đất xây dựng công trình (nhà ở, nhà và công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông). Phần đất còn lại được giữ nguyên địa hình tự nhiên.

- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp; bảo vệ cây lâu năm, lớp đất màu.

b) Khu vực nông thôn:

- Để đảm bảo các công trình không bị ngập vào mùa mưa, giải pháp san nền chủ yếu là tôn nền vượt qua cao độ đỉnh lũ lớn nhất hàng năm từ $0,3 \div 0,5m$. Cụ thể trên địa bàn xã Tân Hòa cần tôn nền đến cao độ $\geq +2,0 m$ (Cao độ Quốc gia).

- Nước mưa một phần chảy tràn, một phần được thu gom bởi hệ thống đường cống thoát nước mưa rồi thoát ra hệ thống kênh rạch trước khi thoát ra sông.

9.2. Định hướng quy hoạch giao thông

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại sinh hoạt và sản xuất của nhân dân cần nhanh chóng xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ, trên cơ sở cải tạo lại các tuyến giao thông hiện hữu đã xuống cấp, kết hợp với việc xây mới thêm một số đoạn tuyến chưa hoàn chỉnh, hình thành mạng lưới giao thông đường bộ hoàn chỉnh.

- Hệ thống giao thông đường bộ gồm các tuyến đường giao thông đối ngoại hiện hữu: Đường Quốc lộ 61C (Đường nối Vị Thanh - Cần Thơ), đường Tỉnh 931B và các tuyến đường giao thông nông thôn xây dựng đạt các cấp A, B, C.v.v... Cần quy hoạch nâng cấp các tuyến đường nông thôn đạt theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao của Chính phủ.

Đường trục xã, liên xã:

- Các tuyến đường trục xã, liên xã tận dụng tối đa nền đường có sẵn, kết nối các khu dân cư trong khu vực với đường giao thông đối ngoại, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật như sau:

- Đường ô tô về trung tâm xã (đường Tỉnh 931B cặp kênh xáng Xà No) có chức năng đường trục xã, quy hoạch lộ giới đoạn qua trung tâm xã 30m (mặt đường 16,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 7,0m), đã thi công mặt đường 7,0m (Đạt tiêu chuẩn cấp đường AH).

Đường liên ấp:

Mạng lưới đường liên ấp được bố trí xây dựng trên cơ sở của các tuyến đường có sẵn, nhằm tạo ra một mạng lưới giao thông khép kín với mạng lưới đường trục xã và đường trong ấp. Kết nối giữa các trung tâm ấp với nhau, có tiêu chuẩn kỹ thuật như sau:

* Quy hoạch đến năm 2035 lộ giới đạt từ 3,5m ÷ 4,5m (chiều rộng mặt đường 2,5m ÷ 3,5m, lề mỗi bên rộng 0,5m), đạt tiêu chuẩn đường cấp A, B.

* Chất lượng mặt đường có thể sử dụng các loại sau: bê tông xi măng, đá dăm, cát sỏi trộn xi măng, hoặc gạch vỡ, xỉ lò cao.

* Trong giai đoạn trước mắt cần xây dựng hệ thống cầu dân sinh (xe có tải trọng từ 0,5 đến 1,5 tấn có thể qua lại), nhằm tạo được sự thuận tiện cho nhân dân có thể qua lại giao thương, học sinh có thể chủ động đi học bằng đường bộ, góp phần giảm được chi phí cho việc đi lại.

Giao thông đối nội:

Mạng lưới giao thông nội đô gồm đường phân khu vực và đường khu vực, có lối đi bộ/đi xe đạp, lối đậu xe và khu vực tạo cảnh quan đường phố. Hệ thống với đa dạng loại hình đường phố, lối đi bộ, lộ giới, vùng đệm cảnh quan, những hàng cây bóng mát và cảnh quan, luồng giao thông, và chỗ đậu xe,... sẽ tạo ra một mạng lưới thông suốt, nhờ đó giảm nguy cơ tắc nghẽn giao thông và cho phép tối đa hóa lưu thông cũng như tính linh hoạt trong chuyển đổi phương tiện lưu thông.

Tổ chức mạng lưới đường phố nội bộ trong khu vực với lộ giới 12m – 20m, với mật độ phù hợp kết nối các khu ở dân cư trong từng khu ở.

Các trục giao thông nội bộ được tổ chức giao nhau và vuông góc với nhau.

Các tuyến đường nội bộ theo nguyên tắc không giao cắt trực tiếp với các trục đường đô thị hay đường khu vực mà chỉ tiếp cận theo một chiều nhằm đảm bảo giao thông thông suốt và an toàn.

Giao thông thủy, hệ thống kênh mương thủy lợi:

Xây dựng và cải tạo lại hệ thống bến thuyền, tổ chức các tuyến đường thủy nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và du lịch.

Hiện tại vận chuyển hành khách chủ yếu bằng ghe, xuồng nhỏ. Cần phát triển các loại phương tiện đường thủy kết hợp giao thông bộ nhằm thuận tiện cho việc đi lại và phục vụ hiệu quả hơn cho nhân dân.

9.3. Định hướng Quy hoạch hệ thống cấp điện

a) Nguồn điện:

Nguồn điện sử dụng hiện tại của xã được cấp từ nguồn lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 110/22KV của huyện Châu Thành A.

b) Lưới điện:

Các tuyến 22KV hiện hữu sẽ được duy tu, cải tạo theo việc mở rộng đường và nâng công suất. Các tuyến 22KV dự kiến xây dựng mới là đường dây đi nổi, đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12÷14m. Trước mắt cần xây dựng hoàn chỉnh ngay các nhánh vào trung tâm các ấp.

Các tuyến 0,4KV hiện hữu ở khu vực trung tâm xã và các tuyến đường liên xã, ấp cần duy tu, cải tạo nâng công suất tải điện của các tuyến này, giảm bán kính cấp điện cho các trạm hạ áp, bán kính phục vụ của các trạm nên nằm trong khoảng 500m đổ lại. Các tuyến 0,4KV xây dựng mới, đi trên trụ bê tông hạ áp cao 8,5m hoặc đi chung với tuyến trung áp.

Trụ điện: Sử dụng trụ bê tông ly tâm, chiều sâu chôn trụ từ 1,8÷2m, khoảng cách cột bình quân từ 40÷55m.

Đà đỡ sứ: Dùng đà sắt L75x75x8 kết hợp với thanh chống. Đà chống được làm từ sắt CT3 mã kẽm nhúng nóng.

c) Trạm điện:

Trạm biến áp cấp điện cho các tuyến dân cư nông thôn sẽ sử dụng trạm biến áp 3 pha 22/0,4KV treo trên cột, để phủ kín cấp điện cho toàn bộ dân cư trên địa bàn xã, dự kiến các trạm biến áp xây mới cấp điện cho các tuyến dân cư dùng trạm có công suất từ 75KVA đến 150 KVA và nâng cấp, bổ sung công suất cho các trạm biến áp hiện có để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện theo chỉ tiêu mới (Trong đó: trạm biến áp có công suất 75KVA là 27 trạm, trạm có công suất 100KVA là 12 trạm).

Riêng tại trung tâm xã hoặc cụm dân cư tập trung sử dụng trạm biến áp 3

pha 22/0,4KV công suất mỗi trạm từ 250 đến 750KVA tùy theo điều kiện thực tế.

Vị trí trạm hạ áp đặt thuận tiện để lắp đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất và sinh hoạt. Phải đảm bảo hành lang, khoảng cách li bảo vệ cho các trạm hạ áp.

d) Lưới điện chiếu sáng:

Thiết kế hệ thống chiếu sáng đường cho các khu vực trong xã phải đạt chỉ tiêu tối thiểu như sau:

Độ chói trung bình trên mặt đường từ $0,2 \div 0,4 \text{Cd/m}$.

Độ rọi trung bình trên mặt đường từ $5 \div 8 \text{lux}$.

Các đường trong ấp cần có hệ thống chiếu sáng để nâng cao mức sinh hoạt và điều kiện an ninh của người dân.

Tuyến đèn đường đi chung với tuyến hạ thế. Đèn đường là loại đèn đường LED (TKNL), công suất từ 100W đến 150W, được đặt cao cách mặt đường 7m và được bố trí ở các khu trung tâm xã.

9.4. Định hướng Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Nguồn cấp: Hệ thống cáp truyền dẫn từ tổng đài (trạm đầu cuối) khu vực đến các tủ phân phối thông tin liên lạc (TTLL) đặt tại các khu vực phù hợp với quy hoạch kiến trúc và số lượng các thuê bao như khu hành chính, khu dân cư...

Tổ chức mạng hệ thống theo định hướng sau:

Ngầm hóa 40-50% hạ tầng mạng ngoại vi đến hệ thống tủ cấp trên địa bàn.

Ngầm hóa mạng ngoại vi đến thuê bao, cụm thuê bao tại khu vực các trục đường chính, tuyến phố chính khu vực xã.

Cải tạo mạng ngoại vi, ngầm hóa mạng ngoại vi đến thuê bao tại những khu vực có yêu cầu về mỹ quan

9.5. Định hướng quy hoạch cấp nước

Nguồn nước mặt: xã Tân Hòa có hệ thống kênh rạch chằng chịt và những con kênh lớn như: kênh xáng Xà No và kênh 3000, kênh 2500, Rạch Sỏi Sơn, kênh Trà Éch, kênh Xà No Cạn. Các kênh chính này có dòng nước chảy quanh năm, tuy nhiên chất lượng nước không đảm bảo cho nhu cầu cấp nước trực tiếp cho việc ăn uống và sinh hoạt.

9.6. Cấp nước chữa cháy

Đối với các nơi xa trung tâm xã, chưa có hệ thống cấp nước chữa cháy thì tận dụng các nguồn nước tại chỗ, sẵn có của các kênh, rạch, ao hồ Chữa cháy bằng các dụng cụ sẵn có như: xô, chậu, gàu, máy bơm nước...

Đối với khu vực trung tâm xã thì sử dụng hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp.

Áp dụng QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; tiêu chuẩn TCVN 2622 -1995 - “Phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình” và TCVN 6379-1998 - “Thiết bị chữa cháy - yêu cầu

kỹ thuật” để thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị và quy hoạch.

9.7. Định hướng quy hoạch thoát nước thải

Đối với các ấp: Do địa hình chia cắt và trải dài trên diện tích rộng, do vậy các tuyến dân cư, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ tại các hộ gia đình bằng bể tự hoại hợp quy cách cho 1 hộ hoặc 1 cụm dân cư từ $20 \div 25$ hộ dùng trước khi xả ra môi trường.

Đối với các hộ gia đình chăn nuôi sản xuất sẽ xây dựng các bể biôga xử lý theo dây chuyền khép kín trước khi thải ra ngoài, tránh gây ô nhiễm môi trường.

9.8. Quản lý chất thải rắn (CTR)

Giải pháp thu gom CTR:

+ Khu vực trung tâm xã: Bố trí thùng đựng rác thải, khu vực dân cư tự phân loại, thu gom rác sinh hoạt và đổ ra xe thu gom vào các ngày thu gom định kỳ trong tuần.

+ Khu vực các ấp: Bố trí thùng đựng rác thải, khu vực dân cư tự phân loại, thu gom rác sinh hoạt và đổ ra xe thu gom vào các ngày thu gom định kỳ trong tuần.

10. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

Quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, thực hiện các dự án theo quy hoạch phải tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và các thủ tục theo đúng quy định; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, xây dựng huyện văn minh hiện đại, phát triển bền vững.

Chương trình quản lý và giám sát môi trường của từng dự án do chủ đầu tư thực hiện, kết hợp với sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng.

Xây dựng hệ thống giám sát môi trường và phân tích đánh giá khách quan, hiệu quả môi trường. Vị trí của các trạm giám sát có thể thay đổi phù hợp với kế hoạch triển khai hệ thống quan trắc môi trường của tỉnh Hậu Giang.

11. Các dự án ưu tiên đầu tư

11.1. Giai đoạn năm 2025 – 2030

- Chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các dự án đang triển khai chưa hoàn thiện, các dự án quy hoạch chuẩn bị đầu tư.

- Ưu tiên triển khai các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng do Nhà nước đầu tư và các dự án kết cấu hạ tầng khung của xã.

- Tạo điều kiện để nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở và các doanh nghiệp tiếp tục triển khai các dự án trên địa bàn.

11.2. Giai đoạn sau năm 2030

- Ưu tiên triển khai các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng do Nhà nước đầu tư và các dự án kết cấu hạ tầng khung của đô thị.

- Triển khai các dự án quy hoạch chi tiết để phục vụ cho các dự án phát triển nhà ở và các công trình phúc lợi xã hội.

- Tạo điều kiện để nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở và các doanh nghiệp tiếp tục triển khai các dự án trên địa bàn.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Nhân